

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN NGÀY 30/06/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 23/06/2023
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 23/06/2023

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Phương Dung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Nguyễn Thị Hoa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/03/2023
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	
Bà Hoàng Thanh Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Đinh Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty một cách trung thực và hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/10/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/08/2023, từ trang 05 đến trang 33 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.937.253.138	130.725.367.325
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	186.501.383.179	33.917.322.974
Tiền	111		185.501.383.179	1.532.735.249
Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	32.384.587.725
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	115.056.439.347	66.472.392.485
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		115.056.439.347	66.472.392.485
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.087.711.492	25.370.598.510
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	18.781.799.841	23.437.667.470
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.805.000	176.510.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.303.106.651	1.756.421.040
Hàng tồn kho	140	10	5.233.006.190	4.915.445.022
Hàng tồn kho	141		5.233.006.190	4.915.445.022
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.058.712.930	49.608.334
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	1.058.712.930	49.608.334
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		453.341.158.631	455.043.449.951
Tài sản cố định	220		10.653.245.862	12.292.951.625
Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.643.523.636	12.269.229.401
- Nguyên giá	222		281.396.991.534	281.608.441.534
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(270.753.467.898)	(269.339.212.133)
Tài sản cố định vô hình	227	12	9.722.226	23.722.224
- Nguyên giá	228		1.243.840.000	1.243.840.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.234.117.774)	(1.220.117.776)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	442.544.235.500	442.544.235.500
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		447.305.948.664	447.305.948.664
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		5.766.336.836	5.766.336.836
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.528.050.000)	(10.528.050.000)
Tài sản dài hạn khác	260		143.677.269	206.262.826
Chi phí trả trước dài hạn	261	7	143.677.269	206.262.826
TỔNG TÀI SẢN	270		785.278.411.769	585.768.817.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		21.963.067.274	22.576.008.960
Nợ ngắn hạn	310		21.963.067.274	22.576.008.960
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.556.746.941	4.283.280.963
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.256.567.793	1.200.773.968
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.580.313.383	3.818.873.327
Phải trả người lao động	314		3.423.904.032	10.181.574.638
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	878.215.035	42.526.547
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	651.574.871	917.439.298
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.615.745.219	2.131.540.219
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		763.315.344.495	563.192.808.316
Vốn chủ sở hữu	410	17	763.315.344.495	563.192.808.316
Vốn góp của chủ sở hữu	411		476.643.340.000	272.820.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		476.643.340.000	272.820.270.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.248.771.566	1.248.771.566
Quỹ đầu tư phát triển	418		222.647.646.117	222.647.646.117
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.775.586.812	66.476.120.633
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.953.050.632	31.831.195.304
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.822.536.180	34.644.925.329
TỔNG NGUỒN VỐN	440		785.278.411.769	585.768.817.276



Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Hoàng Thị Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	20	54.656.114.130	45.834.913.232
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.656.114.130	45.834.913.232
Giá vốn hàng bán	11	21	28.180.632.402	26.887.587.565
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.475.481.728	18.947.325.667
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	6.152.143.029	15.642.267.020
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.108.269.418	8.222.112.882
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.519.355.339	26.367.479.805
Thu nhập khác	31		53.857.385	496.928.550
Chi phí khác	32		-	32.446.663
Lợi nhuận khác	40		53.857.385	464.481.887
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.573.212.724	26.831.961.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.750.676.544	5.208.900.875
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.822.536.180	21.623.060.817
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	666	793
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	666	793



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Hoàn

Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Hoàng Thị Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		24.573.212.724	26.831.961.692
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.639.705.763	1.589.920.656
Lãi hoạt động đầu tư	05		(6.192.143.029)	(16.052.267.020)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.020.775.458	12.369.615.328
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09		4.707.207.247	(1.167.161.278)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10		(317.561.168)	(852.932.694)
Tăng/Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.558.521.424)	(120.224.845)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12		(946.519.039)	(41.523.526)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.247.301.807)	(896.504.065)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.215.795.000)	(639.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.442.284.267	8.652.158.920
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.000.000)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.000.000	410.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(125.056.439.347)	(287.027.906.647)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		76.472.392.485	383.108.276.758
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.727.822.800	14.679.106.493
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.858.224.062)	111.169.476.604
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		182.000.000.000	12.846.111.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		182.000.000.000	12.846.111.112
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		152.584.060.205	132.667.746.636
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	33.917.322.974	2.189.632.753
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	186.501.383.179	134.857.379.389



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Hoàn

Hoàng Thị Hương

Hoàng Thị Hương

Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời khỏi Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000123 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/11/2001 và các lần thay đổi. Công ty được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827 và hiện hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15 ngày 21/07/2023. Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 15 của Công ty là 544.643.340.000 VND được chia thành 54.464.334 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 17/10/2016.

Tổng số cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2023 là 187 người (tại ngày 01/01/2023 là 201 người).

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kê khai hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ nâng cầu hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác – dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hóa; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 được soát xét. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được với Báo cáo tài chính kỳ này.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu bằng đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 ĐÁNH GIÁ VÀ GHI NHẬN THEO GIÁ TRỊ HỢP LÝ

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, tới thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- Đối với các tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, c, trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng với các khoản chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá khoản chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn kinh doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư và công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu công ty niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được nhận đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cũng như chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 13
- Máy móc, thiết bị	6 - 10
- Phương tiện vận tải, bốc dỡ hàng hóa	3 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

4.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.13 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu sau thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp Công ty ghi tăng vốn Nhà nước và tăng giá trị khoản đầu tư theo mệnh giá.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

4.15 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng 1 cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế Việt Nam hiện hành.

4.16 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	602.682.633	265.980.946
Tiền gửi ngân hàng	184.898.700.546	1.266.754.303
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	32.384.587.725
	<u>186.501.383.179</u>	<u>33.917.322.974</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất 5,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	115.056.439.347	115.056.439.347	66.472.392.485	66.472.392.485
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	115.056.439.347	115.056.439.347	66.472.392.485	66.472.392.485
	<u>115.056.439.347</u>	<u>115.056.439.347</u>	<u>66.472.392.485</u>	<u>66.472.392.485</u>

(*) Các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,5%/năm và các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 8,3% - 12%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu (%)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Phòng 1303, tầng 13, toà nhà Tungshing Square, số 02 đường Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Buôn bán nguyên vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; kinh doanh bất động sản	47,06%	47,06%
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Phòng 1502 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Vận tải hàng, kết hợp vận tải hàng công nghệ cao theo tuyến ven biển Việt Nam	39,00%	39,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	Số 16 Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, dịch vụ kho bãi và đại lý hàng hóa	3,53%	3,53%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa đa phương thức, dịch vụ hàng hải	0,56%	0,56%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Dịch vụ ngân hàng, dịch vụ môi giới chứng khoán, quản lý quỹ, kinh doanh địa ốc, bảo hiểm, quản lý nợ và khai thác tài sản	0,002%	0,002%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngõ Quyền
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664	(10.528.050.000)	447.305.948.664	(10.528.050.000)
- Công ty CP Tập đoàn Tratigroup (1)	400.000.000.000	(*)	400.000.000.000	(*)
- Công ty TNHH Vạn tải Hàng công nghệ cao (2)	47.305.948.664	(*) (10.528.050.000)	47.305.948.664	(*) (10.528.050.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.766.336.836	14.013.936.000	5.766.336.836	11.829.321.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (3)	1.203.026.136	12.195.936.000	1.203.026.136	10.290.321.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	1.563.310.700	1.818.000.000	1.563.310.700	1.539.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng (5)	3.000.000.000	(*)	3.000.000.000	(*)

(*) Đối với các khoản số (1), (2) và (5) là các công ty chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các Công ty liên kết, các khoản đầu tư tài chính trong kỳ:

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup với giá trị 400.000.000.000 đồng, chiếm 47,06% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (2) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 47.305.948.664 đồng, chiếm 39% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.
- (3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ với số lượng 224.190 cổ phần, tương đương 1.203.026.136 đồng, chiếm 0,56% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá đóng cửa của cổ phiếu DVP tại ngày 30/06/2023 là 54.400 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2022 là 45.900 đồng/cổ phần.

- (4) Khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Quân Đội với số lượng 90.000 cổ phần, tương đương 1.563.310.700 đồng, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Ngân hàng TMCP Quân Đội hiện đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu MBB.

Giá đóng cửa của cổ phiếu MBB tại ngày 30/06/2023 là 20.200 đồng/cổ phần, tại ngày 31/12/2022 là 17.100 đồng/cổ phần.

- (5) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng, tương đương 300.000 cổ phần, chiếm 3,525% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.058.712.930	49.608.334
Chi phí sửa chữa bãi	1.033.932.930	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.780.000	49.608.334
Dài hạn	143.677.269	206.262.826
Phí kiểm định	102.000.000	136.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	41.677.269	70.262.826
	1.202.390.199	255.871.160

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Môi giới và vận tải biển quốc tế	14.506.032.855	-	12.717.038.732	-
Công ty CP Giám định & Logistic Viettec	951.086.359	-	1.977.399.957	-
Công ty CO XD AMECC	593.255.728	-	2.389.730.688	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	-	-	1.978.129.728	-
Các đối tượng khác	2.731.424.899	-	4.375.368.365	-
	18.781.799.841	-	23.437.667.470	-

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.303.106.651	-	1.756.421.040	-
Tạm ứng	88.559.483	-	12.584.100	-
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	1.120.950.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi ngắn hạn	4.002.904.442	-	1.699.534.213	-
Phải thu khác	90.692.726	-	44.302.727	-
	5.303.106.651	-	1.756.421.040	-

(*) Khoản cổ tức được nhận liên quan đến khoản đầu tư 224.190 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (Cảng Đình Vũ) chiếm 0,56% vốn điều lệ của Cảng Đình Vũ. Trong quý 2/2023, Công ty Cổ phần Cảng Đình Vũ thông báo trả cổ tức đợt 2 năm 2022 với tỷ lệ 50%/mệnh giá, theo đó, Công ty sẽ nhận được số tiền cổ tức 1.120.950.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.324.503.228	-	3.974.987.060	-
Công cụ, dụng cụ	908.502.962	-	940.457.962	-
	<u>5.233.006.190</u>	-	<u>4.915.445.022</u>	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
01/01/2023	62.221.033.501	10.151.671.561	207.005.598.995	2.230.137.477	281.608.441.534				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(211.450.000)	-	-	(211.450.000)				
30/06/2023	<u>62.221.033.501</u>	<u>9.940.221.561</u>	<u>207.005.598.995</u>	<u>2.230.137.477</u>	<u>281.396.991.534</u>				
HAO MÓN LŨY KẾ									
01/01/2023	(61.068.333.314)	(9.860.793.689)	(196.232.611.417)	(2.177.473.713)	(269.339.212.133)				
- Khấu hao trong kỳ	(500.657.507)	(96.959.268)	(1.015.883.994)	(12.204.996)	(1.625.705.765)				
- Thanh lý, nhượng bán	-	211.450.000	-	-	211.450.000				
30/06/2023	<u>(61.568.990.821)</u>	<u>(9.746.302.957)</u>	<u>(197.248.495.411)</u>	<u>(2.189.678.709)</u>	<u>(270.753.467.898)</u>				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
01/01/2023	<u>1.152.700.187</u>	<u>290.877.872</u>	<u>10.772.987.578</u>	<u>52.663.764</u>	<u>12.269.229.401</u>				
30/06/2023	<u>652.042.680</u>	<u>193.918.604</u>	<u>9.757.103.584</u>	<u>40.458.768</u>	<u>10.643.523.636</u>				

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 258.733.533.446 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 255.552.963.319 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	1.243.840.000	1.243.840.000
- Mua trong năm	-	-
30/06/2023	<u>1.243.840.000</u>	<u>1.243.840.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(1.220.117.776)	(1.220.117.776)
- Khấu hao trong năm	(13.999.998)	(13.999.998)
30/06/2023	<u>(1.234.117.774)</u>	<u>(1.234.117.774)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	<u>23.722.224</u>	<u>23.722.224</u>
30/06/2023	<u>9.722.226</u>	<u>9.722.226</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 1.159.840.000 đồng, tại ngày 01/01/2023 là 1.159.840.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	4.556.746.941	4.556.746.941	4.283.280.963	4.283.280.963
Công ty TNHH Vạn tài Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.152.754.509	1.152.754.509	1.223.598.901	1.223.598.901
Công ty TNHH Đại lý và môi giới Vạn tài biển Quốc tế	1.360.928.641	1.360.928.641	1.110.937.141	1.110.937.141
Công ty CP Thương mại và Vận tải Trường Xuân	26.823.641	26.823.641	514.325.700	514.325.700
Công ty CP Vật tư - Xăng dầu Hải Dương	384.573.600	384.573.600	241.279.200	241.279.200
Công ty CP Xây dựng Nhà ở Hải Phòng	548.483.400	548.483.400	-	-
Khác	1.083.183.150	1.083.183.150	1.193.140.021	1.193.140.021
	4.556.746.941	4.556.746.941	4.283.280.963	4.283.280.963

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		Số đã thực nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước								
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	536.674.040	1.544.400.097	1.316.925.917	764.148.220				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.247.301.807	4.750.676.544	3.247.301.807	4.750.676.544				
Thuế thu nhập cá nhân	34.897.480	413.557.468	412.274.729	36.180.219				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.203.249.400	173.941.000	2.029.308.400				
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-				
	3.818.873.327	8.916.883.509	5.155.443.453	7.580.313.383				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí nước, điện thoại	70.881.708	29.986.547
Chi phí sửa chữa lớn	800.000.001	-
Chi phí thuê ngoài	7.333.326	12.540.000
	<u>878.215.035</u>	<u>42.526.547</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	231.618.385	93.963.945
- Thù lao HĐQT	-	448.142.414
- Thuế TNCN	281.409.822	242.559.114
- Cổ tức từ năm 2002 - 2014 chưa chi trả	71.197.000	71.197.000
- Các khoản khác	67.349.664	61.576.825
	<u>651.574.871</u>	<u>917.439.298</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu VND	cổ phần VND	phát triển VND	chưa phân phối VND	VND
01/01/2022	259.870.270.000	1.352.660.454	191.797.285.602	64.181.555.819	517.201.771.875
- Tăng vốn trong năm	12.950.000.000	(103.888.888)	-	-	12.846.111.112
- Lãi trong năm	-	-	-	34.644.925.329	34.644.925.329
- Trích lập các quỹ	-	-	30.850.360.515	(32.350.360.515)	(1.500.000.000)
31/12/2022	272.820.270.000	1.248.771.566	222.647.646.117	66.476.120.633	563.192.808.316
01/01/2023	272.820.270.000	1.248.771.566	222.647.646.117	66.476.120.633	563.192.808.316
- Tăng vốn trong kỳ (*)	203.823.070.000	-	-	(21.823.070.000)	182.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	19.822.536.180	19.822.536.180
- Trích lập các quỹ (**)	-	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
30/06/2023	476.643.340.000	1.248.771.566	222.647.646.117	62.775.586.812	763.315.344.495

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24/06/2022, Đại hội đồng cổ đông thông qua trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 8% (tương đương 2.182.307 cổ phiếu). Ngày 15/03/2023, cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức năm 2021 đã được niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu chào bán là 25.000.000 cổ phiếu. Đến ngày 30/06/2023, Công ty đã chào bán được 18.200.000 cổ phiếu (6.800.000 cổ phiếu còn lại được hoàn thành chào bán trong đầu tháng 7/2023).

(**) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 23/06/2023, Đại hội đồng cổ đông thông qua trả cổ tức việc trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Vốn đã góp	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp	Tỷ lệ (%)
Ông Hoàng Văn Quang	70.956.000.000	14,89%	65.700.000.000	24,08%
Công ty CP Tratimex P&L	67.716.000.000	14,21%	62.700.000.000	22,98%
Các cổ đông khác	337.971.340.000	70,91%	144.420.270.000	52,94%
	476.643.340.000	100,00%	272.820.270.000	100,00%

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	476.643.340.000	272.820.270.000
Vốn góp đầu năm	272.820.270.000	259.870.270.000
Vốn tăng trong năm	203.823.070.000	12.950.000.000
Vốn góp cuối năm	476.643.340.000	272.820.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	23.523.070.000	32.350.360.515

17.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023	01/01/2023
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*)	54.464.334	27.282.027
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.664.334	27.282.027
+ Cổ phiếu phổ thông	47.664.334	27.282.027
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.664.334	27.282.027
+ Cổ phiếu phổ thông	47.664.334	27.282.027
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với số lượng cổ phiếu chào bán là 25.000.000 cổ phiếu. Đến ngày 30/06/2023, Công ty đã chào bán được 18.200.000 cổ phiếu (6.800.000 cổ phiếu còn lại được hoàn thành chào bán trong đầu tháng 7/2023).

Đến ngày 05/07/2023, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán 25.000.000 cổ phiếu riêng lẻ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	5.488,29	5.488,29

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ bốc xếp hàng hóa tại thành phố Hải Phòng.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.656.114.130	45.834.913.232
	<u>54.656.114.130</u>	<u>45.834.913.232</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.180.632.402	26.887.587.565
	<u>28.180.632.402</u>	<u>26.887.587.565</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi	5.031.193.029	14.521.317.020
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.120.950.000	1.120.950.000
	<u>6.152.143.029</u>	<u>15.642.267.020</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.301.513.973	2.941.086.870
Chi phí đồ dùng văn phòng	345.779.174	388.525.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	407.324.994	400.958.328
Thuế phí, lệ phí	2.208.249.400	3.077.953.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.173.011.164	615.712.599
Chi phí bằng tiền khác	672.390.713	797.876.445
	8.108.269.418	8.222.112.882

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	3.885.508.805	3.948.964.780
Chi phí nhân công	13.687.042.812	13.274.471.139
Chi phí hao mòn tài sản cố định	1.639.705.763	1.589.920.656
Chi phí mua ngoài	13.058.545.827	11.189.660.276
Chi phí khác	4.018.098.613	5.106.683.596
	36.288.901.821	35.109.700.447

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.573.212.724	26.831.961.692
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(819.830.000)	(787.457.317)
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.120.950.000)	(1.120.950.000)
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	301.120.000	333.492.683
Thu nhập tính thuế	23.753.382.724	26.044.504.375
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.750.676.544	5.208.900.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.822.536.180	21.623.060.817
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	29.745.252	27.282.027
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	666	793

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

28.2 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

a) Các bên liên quan

Tên bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tratimex P&L	Cùng thành viên ban lãnh đạo và cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	Công ty con của Công ty liên kết
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	Chi nhánh công ty liên kết

b) Giao dịch với bên liên quan

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
		VND	VND
Bà Mai Thị Yên Thế	Nguyên thành viên	50.000.000	-
		50.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.2 THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Tiền lương và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Ông Trần Việt Hùng	Nguyên Tổng Giám đốc	-	255.925.000
Ông Lê Mạnh Hoàn	Tổng Giám đốc	528.725.000	202.875.000
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	219.030.600	-
Bà Mai Thị Yên Thế	Nguyên Kế toán trưởng	147.814.582	121.265.789
		895.570.182	580.065.789

Giao dịch với bên liên quan

	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
	VND	VND
Bán hàng Bên liên quan	1.061.188.968	1.082.815.720
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	1.061.188.968	1.082.815.720
Mua hàng Bên liên quan	2.945.632.003	1.070.763.588
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	938.571.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	2.007.061.003	1.070.763.588
Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cho Bên liên quan	10.272.000.000	-
Ông Hoàng Văn Quang		
Cổ tức đã trả	5.256.000.000	-
Công ty CP Tratimex P&L		
Cổ tức đã trả	5.016.000.000	-

c) Số dư với bên liên quan

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư và Công ty liên doanh, liên kết	447.305.948.664	447.305.948.664
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tratigroup	400.000.000.000	400.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao	47.305.948.664	47.305.948.664
Phải thu khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	9.944.889	456.845.511
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	9.944.889	456.845.511
Phải trả người bán là bên liên quan	1.228.430.109	1.223.598.901
Công ty Cổ phần VN ASPHALT	75.675.600	-
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	1.152.754.509	1.223.598.901

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ
Số 15, đường Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ ngày
01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

28. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Mạnh Hoàn

Lê Mạnh Hoàn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 07 tháng 08 năm 2023

Hoàng Thị Hương
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương
Người lập biểu